

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN ĐƯỚC
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-02-2018

V/v Ly hôn giữa chị V và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN ĐƯỚC - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thanh Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Kim Sơn**

2. Bà **Nguyễn Thị Mai Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Lệ Trinh** là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đước, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Thơ** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Đước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Cẩm V**, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Số 303, Khu phố 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Cao Tấn Thanh**, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Số 342, Khu phố 3, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/12/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm V trình bày: Chị và anh Cao Tấn T cưới nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện và đăng ký kết hôn vào ngày 24/5/2010 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C. Sau khi cưới, chị và anh T sống bên nhà cha mẹ ruột của chị, theo chị vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh T không chăm lo cho cuộc sống gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay.

Thời gian sống ly thân, cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nay xét thấy vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Cao Thị Bích T, sinh ngày 14/11/2010, hiện con đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu T và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/02/2018, bị đơn anh Cao Tấn T trình bày:

Anh T trình bày thống nhất với chị Trần Thị Cẩm V về thời gian tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn. Theo anh, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị V không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người khác nên anh bỏ về nhà mẹ ruột sinh sống từ đầu năm 2017 cho đến nay. Thời gian sống ly thân, cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm. Nay chị V yêu cầu ly hôn, anh đồng ý vì vợ chồng không có khả năng đoàn tụ.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên là Cao Thị Bích T, sinh ngày 14/11/2010. Hiện tại cháu T đang sống với chị V, anh đồng ý chị V được tiếp tục nuôi cháu T, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ: Không có.

Do bận công việc nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án ở cấp sơ thẩm cho đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật tố tụng và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm V và anh Cao Tấn T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Chị V và anh T đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị V yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý nên căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho thấy yêu cầu ly hôn của chị V có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

Về nuôi con chung: Chị V và anh T có một con chung là cháu Cao Thị Bích T, sinh ngày 14/11/2010. Hiện con chung đang sống cùng chị V, khi ly hôn chị V yêu cầu nuôi con, anh T đồng ý nên cần ghi nhận. Về cấp dưỡng nuôi con do chị V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản và nợ: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Chị Trần Thị Cẩm V có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Cao Tấn T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức, tỉnh Long An.

Bị đơn anh Cao Tấn T đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm V và anh Cao Tấn T cưới nhau vào năm 2010 và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị V nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T không chăm lo cho cuộc sống gia đình; vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2016 cho đến nay. Anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị V không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người khác nên anh T bỏ về nhà mẹ ruột của anh sinh sống từ đầu năm 2017 cho đến nay nhưng không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị V và anh T đều thừa nhận vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thời gian sống ly thân đã lâu nhưng cả hai không hàn gắn được hạnh phúc, chị V yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị V và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị V yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị V và anh T có một con chung là cháu Cao Thị Bích T, sinh ngày 14/11/2010, hiện cháu T đang sống với chị V nên khi ly hôn, chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Xét thấy, chị V yêu cầu nuôi cháu T, anh T đồng ý. Nguyên vọng của cháu T là được sống với mẹ nên phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, để đảm bảo sự phát triển ổn định, bình thường của cháu T, chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị V.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản: Chị V và anh T đều xác định không có tài sản chung nên không đề cập.

[2.4] Về nợ: Chị V và anh T đều xác định không có nợ chung nên không đề cập.

[2.5] Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Chị V và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Cẩm V và anh Cao Tấn T.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Cẩm V được tiếp tục nuôi con chung là cháu Cao Thị Bích T, sinh ngày 14/11/2010. Anh Cao Tấn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000674 ngày 04/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Đức.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cần Đức;
- Chi cục THADS huyện Cần Đức;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Thanh Nhung